

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 99

Phần Nhiếp Sự: Sự Điều Phục.
Lựa Chọn Gồm Thâu Chung Thứ Năm

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về Ma-đát-lý-ca của sự Khế kinh.

Thế nào gọi là Ma-đát-lý-ca (lận mẩu) của sự Luật? Nghĩa là, tức từ ngoài bốn thứ kinh này, là kinh Biệt Giải Thoát hiện có, nói rộng nơi Ma-đát-lý-ca, lần lượt truyền đi những điều Đức Như Lai đã thuyết giảng, Đức Như Lai đã hiển bày, Đức Như Lai đã tán thán, gọi là Ma-đát-lý-ca của Luật tạng.

Ma-đát-lý-ca của Luật tạng này, về một phần ít của tổng tướng, nay sẽ nói. Tụng nêu:

Tụ lợi gồm tùy hành

Nghịch thuận hay tịch tĩnh

Biến tri, tín bất tín

Lực là cùng ở sau.

Đức Như Lai quán thấy mười thứ thắng lợi, nên ở trong Tỳ-nại-da vì các đệ tử chế lập học xứ. Nghĩa là thâu nhận Tăng già, khiến Tăng thành khẩn, tinh tấn, cho đến nói rộng như nơi phần Nhiếp tích, nên biết về tướng của chúng.

Nếu có thể thâu nhận bốn tộc họ lớn v.v... chánh tín xuất gia, hướng đến chúng không gia đình, nên biết gọi là thâu nhận Tăng già. Xuất gia như thế, hướng tới đời sống không gia đình rồi, vì họ tuyên thuyết các giáo pháp thâm diệu có nhân duyên, có xuất ly, có đối tượng nương dựa, có dũng mãnh, có thần biến. Nên biết đó gọi là khiến Tăng thành khẩn, tinh tấn. Các câu có sai biệt như có nhân duyên v.v... như nơi địa Bồ tát đã biện giải về tướng.

Do năm thứ tướng, nên biết đó gọi là khiến Tăng an lạc:

1. Khiến thuận nơi đạo, đầy đủ không có thiếu thốn.
2. Khiến loại trừ hữu tình của dị pháp.
3. Khiến khéo dứt bỏ chỗ sanh khởi làm ác.
4. Khiến khéo hàng phục các triền phiền não.
5. Khiến khéo đoạn trừ vĩnh viễn phiền não, tùy miên.

Nên biết ở đây, do sức tăng thượng của sự an lạc đầu tiên, nên người chưa tịnh tín khiến sanh tịnh tín, người đã có tịnh tín khiến được tăng trưởng. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ hai nên đã điều phục các hữu tình xấu ác. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ ba, nên khiến người có hổ thẹn được trụ nơi an lạc. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ tư, nên khiến ngăn giữ các lậu của hiện pháp. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ năm, nên có thể khiến dứt trừ vĩnh viễn các lậu của vị lai.

Như vậy, đạt được trụ an lạc rồi, người chưa hội nhập khiến dễ hội nhập, nhằm khiến nhiều người trụ lâu nơi phạm hạnh, cho đến nói rộng, đều nên nhận biết rõ.

Lại, tất cả ở đây, nói tóm tắt, tức là hiển thị đúng đắn về sự thâm nhận đầu tiên. Tiếp theo là thâm nhận đúng đắn. Đã thâm nhận rồi, thì khiến trụ an lạc. Cùng hiển bày người chưa được thâm nhận vị lai dễ nhập nơi phương tiện. Như thế gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nên biết lược có năm thứ tội. Đó là:

1. Tụ tội tha thắng.
2. Tụ tội chúng dư.
3. Tụ tội vẫn trụ.
4. Tụ tội biệt hối.
5. Tụ tội ác tác.

Tập hợp bất định thô theo như chỗ thích ứng, tức nhập trong các tụ tội như thế.

Lại có bốn thứ tụ tội hoàn tịnh. Những gì là bốn? Nghĩa là trừ tha thắng, bốn tụ tội còn lại đều có thể trở lại thanh tịnh, nên có bốn thứ tụ tội hoàn tịnh. Tụ tội thứ nhất tuy có thể hoàn tịnh, nhưng chỉ dựa vào hai loại hữu tình, không phải là tất cả không có sai biệt đều có thể hoàn. Thế nên tha thắng không lập trong tụ toàn bộ là hoàn tịnh.

Lại, nếu lược nói có mười lăm thứ lỗi lầm phạm tội, hiện hữu khắp ở trong tất cả tụ phạm tội, nên biết đã kiến lập các tội đã phạm.

Mười lăm thứ đó là:

1. Lỗi lầm của sự nặng.

2. Lỗi lầm của triền mãnh liệt.
3. Lỗi lầm của thiếu thốn không biết đủ.
4. Lỗi lầm do kẻ khác trách cứ, giận dữ.
5. Lỗi lầm của kẻ không có tịnh tín càng khiến bất tín, kẻ có tịnh tín thì khiến biến dị.
6. Lỗi lầm của việc có nhiều của cải vật báu, có nhiều tạo tác.
7. Lỗi lầm do nhiễm chấp.
8. Lỗi lầm do não hại kẻ khác.
9. Lỗi lầm do phát khởi bệnh tật.
10. Lỗi lầm do ngăn ngại Sa-môn đi đến nẻo thiện.
11. Lỗi lầm do đối với chốn nên tránh, giữ thì không tránh, giữ đúng đắn. Chốn không nên tránh, giữ thì lại tránh, giữ.
12. Lỗi lầm do đối với chỗ không nên nương dựa thì nương dựa, chỗ nên nương dựa thì lại không nương dựa.
13. Lỗi lầm do đối với nơi nên cung kính thì không cung kính, nơi không nên cung kính thì lại cung kính.
14. Lỗi lầm do đối với điều nên che giấu thì không che giấu, điều không nên che giấu thì lại che giấu.
15. Lỗi lầm do đối với pháp nên quen gần thì không quen gần, pháp không nên quen gần thì lại quen gần.

Nên biết ở đây, đầu tiên là tu nghiệp: Đối với bốn tha thắng, tuy có lỗi lầm của sự nặng, nhưng không có lỗi lầm của triền mãnh liệt, do ý lạc của tội kia không phát khởi ác dữ dội.

Lại nữa, lược có năm pháp gồm thâu Tỳ-nại-da:

1. Tánh tội.
2. Già tội.
3. Chế.
4. Khai.
5. Hành.

- Thế nào là tánh tội? Tức tánh là bất thiện, có thể bị tạp nhiễm, tổn não kẻ khác, có thể bị tạp nhiễm, tổn não cho chính mình. Tuy không ngăn chế, chỉ có hiện hành nên dẫn đến nẻo ác. Tuy không ngăn chế, chỉ có hiện hành, có thể gây chướng ngại cho Sa-môn.

- Thế nào là già tội? Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, quán hình tướng của kẻ kia không như pháp, nên hoặc khiến cho chúng sanh tôn trọng Chánh pháp. Hoặc thấy chỗ tạo tác của họ thuận theo pháp của tánh tội hiện hành. Hoặc vì tùy thuận hộ trì tâm kẻ khác. Hoặc thấy tánh Sa-môn bị chướng ngại nơi thọ mạng của nẻo thiện..., nên ngăn chặn đúng

đần. Nếu có các sự như thế hiện hành, gọi là già tội.

- Thế nào là chế? Nghĩa là có những tạo tác có thể dẫn đến nẻo ác, hoặc gây chướng ngại nơi nẻo thiện, hoặc tạo chướng ngại chỗ đạt được lợi dưỡng đúng như pháp, hoặc tạo chướng ngại đối với thọ mạng, hoặc gây chướng ngại cho Sa-môn. Các loại như thế, Đức Như Lai đều ngăn chặn không khiến chúng hiện hành, nên gọi là chế.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết gọi là khai (mở ra, cho phép).

- Thế nào là hành? Nghĩa là lược có ba hành:

1. Có phạm.
2. Không phạm.
3. Hoàn tịnh.

Ba thứ như thế lược thấu tóm làm hai:

1. Hành tà.
2. Hành chánh.

Nên biết, có phạm gọi là hành tà. Không phạm, hoàn tịnh gọi là hành chánh.

Ở đây, thế nào là phạm tội đã phạm? Nghĩa là đối với pháp nên làm mà lại không làm, cùng gia hạnh. Đối với pháp không nên làm mà lại làm, cùng gia hạnh.

Lại, kể kia lược do bốn nhân duyên nên phạm tội đã phạm:

1. Không biết.
2. Phóng dật.
3. Phiền não khởi mạnh.
4. Khinh mạn.

- Thế nào gọi là do không biết nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm không lắng nghe kỹ, không khéo lãnh ngộ, không hiểu rõ, không có huệ giác ngộ, không có chỗ nhận biết, đối với pháp đã phạm kia khởi tưởng không phạm mà phạm các tội. Như vậy gọi là do không biết nên phạm tội đã phạm.

- Thế nào gọi là do phóng dật nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm tuy lại hiểu rõ, có nơi không nhận biết chân chánh. Kể kia do niệm không trụ như thế, nên như không nhận biết mà phạm các tội. Như thế gọi là do phóng dật nên phạm tội đã phạm.

- Thế nào gọi là phiền não khởi mạnh nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với pháp đã phạm, tuy lại hiểu rõ, có huệ giác ngộ, cũng có sự nhận biết, nhưng bản tánh của vị kia là Tham-sân-si hết sức mãnh liệt, do đấy, tuy biết sự việc ấy là không nên làm,

nhưng vì triền phiền não bức bách không thể tự chủ nên phạm các tội. Như thế gọi là do phiền não khởi mạnh, nên phạm tội đã phạm.

- Thế nào là do khinh mạn nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí sô, đối với tội đã phạm tuy lại hiểu rõ, có huệ giác ngộ, cũng có chỗ nhận biết, nhưng vị ấy tin hiểu là rất thấp kém, không có hành mạnh mẽ của nhân thiện từ đời trước. Do đấy, đối với tánh Sa-môn, đối với nẻo Bát Niết-bàn không có sự quyến luyến. Đối với Phật Pháp Tăng không kính, không sợ, không có hổ thẹn, không vui thích nơi pháp học. Do khinh mạn, nên tùy chỗ ham muốn phạm rộng các tội. Như thế gọi là do khinh mạn nên phạm tội đã phạm. Nên biết trong ấy, không biết, phóng dật đã phạm các tội, là không nhiễm ô. Các tội đã phạm do phiền não tăng mạnh và do khinh mạn, là có nhiễm ô.

Do năm nhân duyên nên biết chỗ phạm thành ba phẩm hạ, trung, thượng có sai biệt. Năm nhân duyên là:

1. Do tự tánh.
2. Do hủy phạm.
3. Do ý lạc.
4. Do sự việc.
5. Do tích tập.

- Do tự tánh: Nghĩa là tự tội tha thắng là tội thuộc phẩm thượng. Tự tội chúng dư là tội thuộc phẩm trung. Tự tội còn lại là tội thuộc phẩm hạ.

Lại có sai biệt: Tha thắng, chúng dư là tội thuộc phẩm trọng. Vẫn trụ, biệt hối là tội thuộc phẩm trung. Tự tội ác tác là tội thuộc phẩm khinh. Như vậy nên biết, do tự tánh nên các tội đã phạm thành ba phẩm hạ trung thượng có sai biệt.

- Do hủy phạm: Nghĩa là không biết, cùng phóng dật nên đã phạm các tội là tội thuộc phẩm hạ. Các tội đã phạm do phiền não tăng mạnh là tội thuộc phẩm trung. Các tội đã phạm do khinh mạn là tội thuộc phẩm thượng.

- Do ý lạc: Nghĩa là các tội đã phạm do triền Tham-sân-si thuộc phẩm hạ là tội thuộc phẩm hạ. Nếu do phẩm trung là tội thuộc phẩm trung. Nếu do triền Tham-sân-si thuộc phẩm thượng phạm tội thì tội thuộc phẩm thượng.

- Do sự việc: Nghĩa là tuy ý lạc hiện hành tương tự, nhưng do sự việc không phải một loại, nên biết chỗ phạm thành ba phẩm hạ trung thượng có sai biệt. Như do triền sân đối với các chúng sanh hiện có nơi nẻo bàng sanh cố ý sát hại, sanh tội vẫn trụ. Tức do triền sân tương tự

như thế, hoặc đối với người kia, hoặc hình dạng của người không phải là cha mẹ mình, cố ý sát hại, sanh tội tha thắng, không phải tội vô gián. Tức dùng triền sân tương tự như thế, đối với cha mẹ của người, cố ý sát hại, sanh tội tha thắng cùng tội vô gián.

- Do tích tập: Nghĩa là như có một Bí-sô, hoặc phạm một tội, không thể như pháp mau chóng sám hối dứt trừ. Hoặc phạm hai tội, hoặc ba tội, cho đến hoặc năm. Như thế nên biết, do tích tập nên thành tội thuộc phẩm hạ. Từ đấy về sau, hoặc phạm mười tội, hoặc phạm hai mươi tội, hoặc phạm ba mươi tội, cho đến hoặc phạm số tội có thể biết rõ, đều không thể như pháp mau chóng sám hối dứt trừ. Như thế nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm trung.

Nếu tội đã phạm, về số lượng là vô lượng không thể nhận biết rõ, như vậy nên biết, do tích tập nên thành tội thuộc phẩm thượng.

Thế nào là nên làm? Nghĩa là, nếu đối với việc ấy do không làm cùng gia hạnh liền thành hủy phạm. Về các việc nên làm ấy, lược có năm thứ:

1. Việc nên làm đối với thôn ấp.
2. Việc nên làm nơi đạo tràng.
3. Việc nên làm nơi phẩm thiện.

Tức sự việc nên làm của phẩm thiện này lại có hai loại:

1. Việc nên làm về tư lương.
2. Việc nên làm về thanh tịnh.

Như thế, việc nên làm về tư lương, như nơi địa Thanh văn đã nói mười ba thứ tư lương hiện có. Như vậy, sự việc nên làm về thanh tịnh, như nơi địa Thanh văn đã nói “tu tác ý”.

Lại, việc nên làm nơi thôn ấp: Nghĩa là, hoặc vì các sự việc như y phục v.v... của mình nên đi vào xóm làng. Hoặc lại vì sự việc đối với Tam bảo, sự việc đối với bậc đồng phạm hạnh. Hoặc vì sự việc đối với kẻ chưa tin khiến sanh tin, kẻ đã tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng, nên đi vào xóm làng.

Cùng với đấy trái nhau là khả năng gây trở ngại hiện có đối với năm sự việc nên làm. Theo như chỗ thích hợp, nên biết về năm thứ việc không nên làm.

Thế nào là không phạm? Nghĩa là do năm nhân duyên khiến không phạm. Năm nhân duyên là:

1. Đối với các căn môn giữ kín mà trụ. Ăn uống biết lượng. Đầu đêm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu thắng hạnh, chánh tri mà trụ. Như thế gọi là nhân duyên thứ nhất.

2. Đối với các Sa-môn, phát khởi sự tinh tấn thuộc phẩm thượng để quan tâm, quyến luyến. Đối với bậc Đại sư, các vị có trí, đồng phạm hạnh, phát khởi tâm cung kính, yêu thích thuộc phẩm thượng. Nơi tội hiện hành, phát khởi tâm hổ thẹn tăng thượng mạnh mẽ. Như thế gọi là nhân duyên thứ hai.

3. Lại, giảm thiểu của cải vật dụng, giảm thiểu các hành tác, tạo nghiệp, không tạo nhiều việc vợi vàng, bề bộn. Như thế gọi là nhân duyên thứ ba.

4. Trụ nơi biết đủ. Đối với việc phạm không phạm có thể khéo nhận biết rõ. Không cùng với đạo tục giao du buông thả. Chuyên tu phẩm thiện từng không gián đoạn. Như thế gọi là nhân duyên thứ tư.

5. Lại, mới tu tập, hoặc tâm si cuồng, loạn động, bị khổ não bức bách. Như thế gọi là nhân duyên thứ năm.

Nên biết do năm nhân duyên ấy nên từ đầu không phạm.

Thế nào là hoàn tịnh? Nghĩa là như có một Bí sô, theo tội đã phạm tức liền sanh khởi năm thứ ố tác (hối). Năm chi gồm thân hành không phóng dật làm chỗ nương dựa. Do năm thứ tướng dứt trừ năm thứ ố tác đã sanh khởi từ tội đã phạm kia.

Thế nào là sanh khởi năm thứ ố tác (hối)? Đó là:

1. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nên về sau nhất định sẽ tự thành khẩn khiếm trách sâu xa.

2. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định sẽ bị chư Thiên khác quở trách.

3. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định bị bậc Đại sư cùng các vị đồng phạm hạnh có trí sẽ cùng quở trách.

4. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định tiếng xấu ác ấy sẽ được truyền đi khắp.

5. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, sau khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ bị đọa trong các nẻo ác.

Năm chi gồm thân hành không phóng dật, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng của chúng. Nghĩa là:

- Tiên tế cùng hành.
- Hậu tế cùng hành.
- Trung tế cùng hành.
- Thời gian đều tạo tác.
- Cùng tùy hành.

Thế nào là do năm thứ tướng, dứt trừ năm thứ ố tác đã sanh khởi

từ tội đã phạm kia? Đó là:

1. Đức Thế Tôn thuyết giảng chánh pháp đều có nhân duyên, cũng có xuất ly. Do đó tội đã phạm đều có thể trở lại thanh tịnh, vì vậy trừ bỏ ố tác đã sanh.

2. Do kẻ kia không biết, hành phóng dật, phiền não tăng mạnh, cùng do khinh mạn, nên phạm tội đã phạm. Tức các thứ không biết cho đến khinh mạn ta đã đoạn dứt. Chánh trí hiện có, cho đến sự tôn kính ta đã sanh khởi. Vì vậy trừ bỏ ố tác đã sanh.

3. Ý lạc về vị lai không phạm ta đã sanh khởi, do đấy trừ bỏ ố tác đã sanh.

4. Ta đã đối với các vị đồng phạm hạnh có trí phát lồ sám hối diệt trừ, do đấy loại bỏ ố tác đã sanh.

5. Ta ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện của Phật đã xuất gia rồi, tuy vượt học xứ, nhưng có thể sám hối diệt trừ, hết sức là “Lành thay!”. Nhưng Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng môn để quả trách việc dấy khởi ố tác tương tục: Đó là che lấp, ngăn chặn. Ta nay đối với các ố tác kia phần nhiều trụ giữ không thể trừ bỏ, không phải là điều tốt đẹp. Nhận biết rõ điều ấy rồi, do đó dứt trừ ố tác đã sanh.

Như thế gọi là tội đã phạm trở lại thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết lược có năm pháp tùy hành của Tỳ-nại-da. Dựa nơi Tỳ-nại-da, Bí sô siêng năng tu học theo đấy tùy hành. Những gì là năm pháp. Đó là:

1. An trụ.
2. Cư xứ.
3. Chỗ dựa.
4. Thọ dụng.
5. Yết ma.

- Thế nào là an trụ? Nghĩa là Bí sô siêng năng tu học, dựa nơi Tỳ-nại-da phải nên an trụ nơi năm thứ tướng trụ:

1. Nếu vào xóm làng, phải nên an trụ nơi tướng đi vào chốn lao ngục.

2. Nếu tại đạo tràng, luôn phải đối với bản thân trụ nơi tướng Sa-môn.

3. Nếu vào lúc ăn uống, luôn phải an trụ nơi tướng xem việc ăn uống như là trị bệnh.

4. Nếu ở nơi chốn xa lìa, đối với mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh v.v..., nên trụ nơi tướng mù điếc câm ngọng.

5. Nếu vào lúc ngủ nghỉ, nên khởi tướng như loài nai kinh sợ trong

vùng rừng núi hoang vắng khó giữ gìn.

Các Bí số siêng năng tu học, dựa nơi Tỳ-nại-da thường nên an trụ nơi năm tướng trụ như thế. Đối với tướng trụ ấy đã an trụ rồi, tuy hiện thọ dụng các thứ y phục, ngọa cụ, thức ăn uống v.v... thuộc hàng vua quan, nhưng không rơi vào biên hành thọ dụng lạc.

- Thế nào là cư xứ? Tức là năm cư xứ:

1. Cư xứ của Bí số.
2. Cư xứ của Bí số ni.
3. Cư xứ của ngoại đạo.
4. Cư xứ tạp nhiễm.
5. Cư xứ không tạp nhiễm.

- Cư xứ của Bí-sô: Nghĩa là ở nơi xứ ấy có các Bí số hạ trung thượng tọa cư trú.

- Cư trú của Bí-sô-ni: Nghĩa là ở nơi xứ ấy có các Bí số ni với ba hạng như trước đang cư trú.

- Cư trú của ngoại đạo: Tức là nơi xứ ấy có nhiều thứ ngoại đạo cư trú như ly hệ, tịnh mạng, ba luân bát-đà...

- Cư xứ tạp nhiễm: Nghĩa là ở nơi xứ ấy, tất cả yết ma đều không thiết lập, hoặc chỉ thiết lập một phần yết ma.

- Cư xứ không tạp nhiễm: Nghĩa là ở nơi xứ ấy đã thiết lập đầy đủ tất cả yết ma.

Lại, cư xứ của Bí-sô không tạp nhiễm: Nên biết chúng hội an lập nghiêm túc. Cư xứ của Bí số nếu có tạp nhiễm: Nên biết chúng hội an lập hỗn tạp.

- Thế nào là chỗ dựa? Nghĩa là năm chỗ dựa. Đó là:

1. Chỗ dựa là thôn xóm ruộng đất.
2. Chỗ dựa là cư xứ.
3. Chỗ dựa là hữu tình.
4. Chỗ dựa là các vật dụng nuôi sống như y phục v.v...
5. Chỗ dựa là oai nghi.

Nếu dựa nơi thôn xóm, thành ấp theo địa phương mà được an trụ, nên biết đó gọi là “chỗ dựa là thôn xóm ruộng đất”.

Nếu dựa nơi các vườn rừng, hoặc các tự viện, xứ kinh hành v.v... mà được an trụ, nên biết đó gọi là “chỗ dựa là cư xứ”.

Nếu dựa nơi các thí chủ, các bậc quý phạm, thân giáo, can ngăn dạy dỗ, giảng nói trao truyền chánh pháp mà được an trụ, nên biết đó gọi là “chỗ dựa là các hữu tình”.

Nếu dựa vào việc thuận đạo, hoặc thô hoặc diệu, theo chỗ đạt

được các thứ vật dụng nuôi sống thân mạng như y phục, thức ăn uống, thuốc men trị bệnh, mà được an trụ, nên biết đó gọi là “chỗ dựa là các thứ vật dụng nuôi sống như y phục v.v...”.

Nếu dựa nơi xứ ấy, trong mọi thời gian, bốn oai nghi của thân như chỗ vui thích, được an lạc trụ, nên biết đó gọi là “chỗ dựa là oai nghi”.

Nếu nương vào các chỗ dựa như thế mà trụ, tức hoàn toàn không bị các thứ khổ não phi Thánh, vô nghĩa, dẫn đến khổ tột, không thích hợp, tổn hại tự thân.

- Thế nào là thọ dụng? Nghĩa là có năm thứ thọ dụng bất tịnh cùng có năm thứ thọ dụng thanh tịnh. Những gì là năm thứ thọ dụng bất tịnh? Đó là:

1. Thọ dụng các vật của tháp thờ, không phải gặp lúc bị bệnh nặng.

2. Thọ dụng các vật của Tăng kỳ, không phải do Tăng chúng trao cho, không phải rơi vào bát, không phải được phân thuộc về mình.

3. Thọ dụng các vật của biệt nhân thuộc kẻ khác, không từ kẻ kia mà được, không phải kẻ kia đã hứa cho, tùy ý thọ dụng.

4. Thọ dụng các vật không phải tin tưởng giao phó. Nghĩa là không nên thọ dụng tất cả các vật hiện có của hữu tình không tin tưởng giao phó.

5. Thọ dụng các vật đã nhiễm ô, cấu uế, hoặc do quen gần với việc giã các pháp thiện, tăng các pháp bất thiện. Hoặc lúc quen gần, khiến các thế gian sanh khởi chê trách, khiến các thế gian cùng khinh chán. Kẻ chưa sanh tin thì khiến càng không tin. Kẻ đã sanh tin thì khiến biến dị.

Đó gọi là năm thứ thọ dụng bất tịnh. Bí sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học phải nên xa lìa.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết là năm thứ thọ dụng thanh tịnh. Bí sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học phải nên thọ dụng. Bí sô xa lìa thọ dụng bất tịnh, đối với thọ dụng thanh tịnh tùy hành, có thể khéo báo đáp các tín thí hiện có.

- Thế nào là yết ma? Nghĩa là tất cả yết ma lược có bốn loại:

1. Yết ma đơn bạch.

2. Yết ma bạch nhị.

3. Yết ma bạch tứ.

4. Yết ma tam ngữ.

Bốn yết ma này lược có hai sự làm nơi chốn nương dựa:

1. Sự của số hữu tình làm chốn nương dựa.

2. Sự của số vô tình làm chốn nương dựa.

- Sự của số hữu tình làm chốn nương dựa: Nghĩa là yết ma xuất gia, hoặc yết ma thọ cụ túc, hoặc yết ma hữu tình đồng ý. Hoặc yết ma xuất tội, hoặc yết ma cử, hoặc yết ma tấn, hoặc từ hai nơi an cư, thọ 10, 20, 40 đêm, với yết ma hiện có. Như vậy, hoặc là để thọ nhận hữu tình, hoặc là để điều phục hữu tình, nên thiết lập yết ma. Đó gọi là yết ma với chốn nương dựa là sự của số hữu tình.

- Sự của số vô tình làm chốn nương dựa: Nghĩa là yết ma thọ trì y bát, hoặc yết ma nhận giữ yết-hy-na không xả, hoặc yết ma kiết giới, hoặc yết ma đồng ý làm tịnh lúa gạo, các loại yết ma hiện có như thế, nên biết đó gọi là yết ma với chốn nương dựa là sự của số vô tình.

Lại, yết ma này nên biết hoặc có hai chúng thực hiện, hoặc có bốn chúng thực hiện, hoặc có 10 chúng, 20 chúng, 40 chúng thực hiện, hoặc có hợp chúng thực hiện.

Hai chúng thực hiện: Nghĩa là một Bí-sô đối trước một Bí-sô, hành yết ma ba lần nói về biệt hối, phát lồ sám hối trừ bỏ, hoặc tội “vấn trụ”, hoặc tội “ác tác”.

Bốn chúng thực hiện: Nghĩa là như có một Bí-sô phạm tội thô rồi, đối trước bốn người hành yết ma phát lồ sám hối trừ bỏ tội.

Mười chúng thực hiện: Tức là yết ma thọ cụ túc.

Hai mươi chúng thực hiện: Nghĩa là yết ma nêu ra các tội khác trước chúng Bí-sô, cùng yết ma thọ cụ túc của các Bí-sô-ni.

Bốn mươi chúng thực hiện: Là yết ma nêu ra các tội khác trước chúng Bí-sô-ni.

Hợp chúng thực hiện: Là yết ma tăng trưởng, hoặc yết ma tứ cử, hoặc các loại yết ma hiện có khác.

Bốn thứ yết ma ấy, do sự sai biệt nên thành vô lượng loại, nói rộng nên biết như nơi Ma-đát-la của Tỳ-nại-da.

Như thế là đã hiểu rõ về yết ma hiện có. Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thuận hành yết ma, đối với tội đã phạm đạt được thiện xảo, đối với nẻo xuất ly tội cũng được thiện xảo, lánh giữ tự thân khiến được thanh tịnh, lìa các tội lỗi.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, nên biết có năm thứ học pháp trái nghịch phải nên xa lìa. Lại có năm thứ học pháp tùy thuận phải nên thọ trì.

Những gì là năm học pháp trái nghịch? Đó là:

1. Chướng ngại.
2. Chánh pháp tương tự.

3. Bạo ác.

4. Phiền não ngu tối dấy mạnh.

5. Tư lương của đời trước, về lực rất yếu kém.

- Thế nào là chướng ngại? Nghĩa là có năm chướng:

1. Chướng ngại của Giới tăng thượng.

2. Chướng ngại của Tâm tăng thượng.

3. Chướng ngại của Huệ tăng thượng.

4. Chướng ngại của việc đi đến nẻo thiện.

5. Chướng ngại của việc hành tác lợi dưỡng, thọ mạng.

- Thế nào gọi là chánh pháp tượng tợ? Nghĩa là lược có hai thứ chánh pháp tượng tợ:

1. Chánh pháp tợ giáo.

2. Chánh pháp tợ hành.

Nếu đối với phi pháp khởi tưởng là pháp, hiển thị phi pháp cho là pháp, khiến cho kẻ khác ở trong ấy sanh tưởng chánh pháp, cho giáo pháp như thế là thật, là đế. Không phải là chánh pháp mà lại hiển hiện hình tượng giống với chánh pháp, do đó gọi là chánh pháp tợ giáo.

Nếu rộng vì người khác tuyên thuyết như thế, khiến họ thọ học cũng tự tu hành, vọng khởi tưởng là pháp, tập các hành tà mà tự kiêu mạn, cho mình có thể tu là hành chân chánh. Nên biết đó gọi là chánh pháp tợ hành.

Vì nhằm nêu bày rộng về chánh pháp tượng tợ, nên nơi phần giữa lại nói tụng:

Đầu là năm thứ pháp

Tiếp các kiến như căn

Phi xứ là ác tác

Giới bạo ác là sau.

Các thứ giáo pháp có văn cú tương tợ với giáo pháp do Đức Như Lai giảng nói, ở trong các kinh được để nơi phần “Ngụy kinh”, ở trong các luật được để nơi phần “Ngụy luật”. Như thế gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại do kiến tăng ích hoặc tổn giảm, tăng ích sự hư, tổn giảm sự thật. Do phương tiện ấy, nên đối với vô số môn nghĩa như vô thường v.v... rộng vì người khác tuyên thuyết, khai thị, như thế như thế, tự thân tập hành. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, nơi các hữu tình, tuyên thuyết kinh điển hiện có, chấp giữ, phân biệt tà vạy, nói có hữu tình chân thật. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, ở trong vô số pháp giả có, tuyên thuyết, khai thị là tánh có thật. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, đối với Niết-bàn cứu cánh xa lìa tất cả hý luận, phân biệt là có hoặc là không có, nói là tánh có hoặc tánh không có. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, nói như thế này: Đức Thế Tôn đã nêu bày chỉ rõ, xưng tán việc giữ kín các căn môn. Do nhân duyên ấy, nên rõ là không còn thấy sắc, cho đến đối với pháp không dùng ý để suy xét, nhưng lại không buộc giữ niệm để xem thấy các sắc, cho đến dùng ý tư duy các pháp. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nói tâm dẫn dắt thế gian, tâm tạo dựng tất cả, tùy tâm sanh khởi đều tự tại mà chuyển. Đối với nghĩa lý sâu xa của các kinh như thế đều không nhận biết đúng như thật. Hoặc có một loại hữu tình, do chấp giữ pháp xấu ác, khởi ngôn thuyết: Chỉ có một thức dong ruổi theo nẻo sanh tử, không hai, không khác. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn xác nhận các hữu tình, sĩ phu trì giới, thọ dụng thức ăn trăm vị, y phục trăm ngàn loại, là những dục diệu làm chướng ngại đạo, thì cho giả như các phẩm loại ấy lúc đang thọ dụng cũng không là chướng ngại. Hoặc có một loại hữu tình, do chấp giữ pháp xấu ác đã nói: Đức Thế Tôn thuyết giảng các dục là chướng ngại đối với đạo, nhưng nếu có quen gần, không đủ gọi là chướng ngại. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nói các vị A-la-hán, ở trong hiện pháp, đối với uẩn xứ giới của việc ăn uống, nói năng, không bỏ không lấy, không nhận biết như thật, liền khởi ngôn thuyết: Như ta hiểu pháp do Phật giảng nói, thì Tăng A-la-hán, đối với các sự việc sau khi qua đời, đều không hề biết rõ. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình không nhận biết đúng như thật về đạo lý của hai đế Thế tục và Thắng nghĩa, trái với lý của hai đế, nói như vậy: Các uẩn vô ngã. Làm sao vô ngã tạo tác các nghiệp khiến ngã xúc chứng? Như vậy nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình bản tánh ngu si, hành nhiều hủy báng đối với chín thứ chánh trụ tâm bên trong không nhận biết đúng như thật. Đối với hành quán đế, hành quán niệm trụ không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết, nên vì kẻ khác tuyên thuyết chỉ tác ý tín giải là phẩm Xa-ma-tha, chỉ tác ý tín giải là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Chỉ tác ý tín giải là có thể đạt được cứu cánh. Tự mình cũng tập hành. Cũng hành

như thế, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, không phải là xứ ố tác mà không tư duy, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, đối với các việc đọc tụng, hành quán, tác ý đều có khả năng thực hiện, vui thích với việc của Tăng. Cũng ở trong đây thấy công đức thù thắng, vì kẻ khác tuyên thuyết, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện đã xuất gia rồi, lần lượt cùng dẫn, chuyên xem việc lắng nghe là cứu cánh, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, tạo hợp vô số oai nghi giả trá, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, do hiểu biết về văn chương, chú thuật của thế gian, cầu nhiều, đạt nhiều các thứ lợi dưỡng hiện có, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, tổn não kẻ khác, dùng phi pháp ấy để tích tập của cải vật báu, tạo có tội phước, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, tức đối với chánh pháp tượng tợ ấy có thể dẫn đến vô nghĩa, dùng các nhân duyên để khai thị, kiến lập, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Như vậy, tất cả chánh pháp tượng tợ nên biết đều là trái nghịch với học pháp.

Về tánh tướng của bạn ác, nói rộng nên biết, như nơi địa Thanh văn và địa Bồ tát đã nói.

Lại lược nêu: Nếu đối với phóng dật, hoặc đối với hành ác, hoặc đối với các thứ công đức thiện thấp kém, mà cùng khuyến gắng sức, nên biết loại ấy gọi chung là bạn ác.

Nếu các phiền não hiện có, trong thời gian dài phát khởi mạnh mẽ, thuộc chủng loại ngu si, tối kém, thì đó gọi là phiền não ngu tối đầy mạnh.

Nếu nơi đời trước, các pháp thiện như tín v.v... không tu tập, nên ở trong hiện pháp, các thứ như tín v.v... yếu kém, tuy hết sức tinh tấn thành khẩn, nhưng không có năng lực để nơi hiện pháp chứng đắc Niết-bàn. Nên biết đó gọi là tư lương của đời trước có chỗ thiếu kém, nên ở trong hiện pháp, lực ấy mỏng yếu.

Đó gọi là năm thứ học pháp trái nghịch. Cùng với đây trái nhau, nên biết là năm thứ học pháp tùy thuận. Các Bí-sô đối với Tỳ-nại-da

siêng năng tu học, thành tựu năm thứ học pháp tùy thuận ấy, có thể tu tập đúng đắn tất cả pháp đã học.

Thành tựu pháp tùy thuận như thế, lại có năm pháp có thể phòng hộ giới uẩn:

1. Xuất gia chân chánh.
2. Khéo thỉnh vấn.
3. Quán xét kỹ.
4. Tu tập đối trị.
5. Nhận giữ tin tưởng.

Không vì bị nợ nần mà cầu xuất gia, như trước đã nói rộng, chỉ cầu đạt Niết-bàn, yêu thích pháp tu học mà cầu xuất gia. Nên biết như thế gọi là xuất gia chân chánh.

Đã xuất gia rồi, ở trong các sự việc phạm, không phạm cùng hoàn tịnh, nếu có Bí-sô trì Kinh-Luật-Luận, đối với điều chưa hiểu rõ kia, nên đích thân đến chỗ vị Bí-sô ấy thưa hỏi để được mở bày. Nên biết như thế gọi là khéo thỉnh vấn.

Đối với giới luật của bản thân, ba thời quán xét, hoặc vào đầu ngày, hoặc vào giữa ngày, hoặc vào cuối ngày, nếu thấy không phạm liền sanh hoan hỷ. Ngày đêm tinh tấn tu học mà trụ, nếu thấy có phạm tức liền mau chóng như pháp sám hối dứt trừ. Nên biết như thế gọi là quan sát kỹ.

Nơi mọi thời gian, đầu đêm cuối đêm, hoặc vào ban ngày, tư duy tu tập, đối trị các phiền não hiện có như tham v.v..., không phải chỉ lắng nghe nêu dạy về giới luật liền sanh biết đủ. Nên biết như thế gọi là tu tập đối trị.

Tin sâu, nếu có phạm sẽ không có quả đáng yêu thích. Tin sâu, nếu không phạm, vị lai được quả đáng yêu thích. Nên biết như thế gọi là nhận giữ niềm tin.

Lại, xuất gia chân chánh làm chỗ nương dựa, tạo bốn sự việc khác. Do thỉnh vấn đúng đắn nên trọn không hủy phạm. Không biết nên phạm, do quán xét kỹ nên trọn không hủy phạm. Phóng dật nên phạm, do tu đối trị, nên trọn không hủy phạm. Phiền não dấy mạnh nên có chỗ phạm, do nhận giữ niềm tin, nên trọn không hủy phạm. Khinh mạn nên phạm. Nương dựa nơi năm thứ pháp như thế, nên có thể phòng hộ giới uẩn, gọi là khéo phòng hộ.

Lại nữa, các Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, do có năm thứ pháp tịch tĩnh, nên có thể diệt trừ các ác. Năm thứ pháp đó là:

1. Nhu hòa, dễ có thể cùng trụ.

2. Đoạn.
3. Đoạn chi.
4. Kính sự.
5. Diệt tranh chấp.

Những gì gọi là nhu hòa, để có thể cùng trụ? Nghĩa là như kinh đã nói, lược có sáu thứ pháp đáng yêu thích.

Những gì là đoạn? Nghĩa là bốn luân hiện có của các hàng Trời, Người.

Những gì là đoạn chi? Nghĩa là năm đoạn chi.

Những gì là kính sự? Nghĩa là kính sự bậc Đại sư, nói rộng cho đến không có phóng dật.

Những gì là diệt tranh chấp? Nghĩa là bảy pháp diệt tránh.

Nên biết ở đây, do dựa nơi thân v.v... nên đối với bậc đồng phạm hạnh hiện hành không ái. Lại đối với Tăng kỳ cùng có của cái vật dụng, thọ dụng không bình đẳng. Lại có giới kiến pháp không đồng phạm, do dựa vào đây nên khó có thể cùng trụ. Tánh không nhu hòa, tâm thường lẫn lộn hổ tương chống đối. Như thế gọi là chỗ chống đối pháp đáng yêu thích. Cùng với đây trái nhau, do ba thứ nhân duyên của phẩm Bạch kia, nên biết tức là kiến lập sáu thứ pháp đáng yêu thích. Do nhân duyên thứ nhất kiến lập ba thứ. Do nhân duyên thứ hai, kiến lập pháp đáng yêu thích thứ tư. Do nhân duyên thứ ba, kiến lập hai thứ pháp đáng yêu thích thứ năm và thứ sáu.

Lại, ở trong đó, các nghiệp như thân v.v... đang hiện tiền, hiện có khiến kẻ khác đạt được lợi ích an lạc khả ái, gọi là bạn lành từ ái. Như vật có thể khiến thọ dụng thanh tịnh, vật ấy gọi là lợi dưỡng như pháp. Nếu vật không dựa vào phương tiện phi pháp của tà mạng để đạt được, vật đó gọi là đã đạt được đúng như pháp. Nếu vật đã được đặt vào trong bát, nên biết vật ấy gọi là gắn chặt với bát ấy. Nếu vật tuy chưa đặt vào trong bát, nhưng sắp sửa đặt vào, nên biết vật ấy gọi là thuộc về bát ấy.

Nếu các thứ thức ăn được thọ dụng không chú trọng vào tinh xảo, cũng không chú trọng vào nhiều, cùng thọ dụng ăn uống nên ăn uống hiển lộ, không ăn uống riêng kín. Cho đến thức ăn chỉ cần no bụng cũng cùng phân phát, trọn không cố ý để tại chốn khuất kín mà ăn. Cũng không đóng cửa mà ăn, vì sợ có kẻ đói khát tới xin không thể cho bớt. Nên biết đó gọi là thọ dụng bình đẳng. Giới luật được bậc Thánh ưa chuộng, phân biệt có sai biệt, như nơi phần Nhiếp dị môn đã nêu, nên biết về tướng.

Chánh kiến xuất thế gian, phân biệt có sai biệt, tức như nơi phần Nhiếp sự đã nói, nên biết về tướng của chúng.

Lại do hai tướng, nên thành tánh đáng ưa thích:

1. Thể kia có đức nên tôn trọng.
2. Sự gánh vác kia có ân, ý nên an ủi.

Lại, tánh đáng ưa thích có hai sai biệt:

1. Chưa sanh khiến được sanh.
2. Sanh rồi càng nên tăng rộng.

Nên biết ở đây, tôn trọng tăng thượng, nghĩa là thể kia có đức, ý an ủi tăng thượng, là dùng hai thứ tài, pháp gồm thâu. Hai thứ tăng thượng ấy nghĩa là khéo hòa hợp. Hòa hợp tăng thượng nghĩa là tâm không có não loạn. Xa lìa các thứ não loạn hiện có như tham v.v..., gọi là không trái. Phương tiện hòa hợp cùng làm một sự, gọi là không tranh. Hòa đồng nước sữa, gọi là tánh một nẻo.

Lại, xứ sở viên mãn, giáo hóa dẫn dắt viên mãn, hành chân chánh viên mãn, tư lương viên mãn làm chỗ nương dựa, nên biết đã kiến lập bốn luân của hàng Trời, Người. Năm thứ phương xứ tốt đẹp đã trụ, gọi là xứ sở viên mãn. Nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn. Bạt lành của chánh sĩ, gọi là giáo hóa dẫn dắt viên mãn. Nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn và địa Bồ tát.

Do năm thứ tướng, tự phát nguyện chân chánh, gọi là hành chân chánh viên mãn. Những gì là năm thứ tướng? Đó là:

1. Đối với sự dạy trao đúng đắn, có thể kính thuận nhận lấy.
2. Hành không trái nghịch.
3. Tự hiển bày như thật.
4. Sự giáo thọ kia, theo chỗ đạt được các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ tinh thô, liền sanh biết đủ.
5. Liên tục cản trở hai thứ gia hạnh, vui đoan, vui tu, cho đến tu tập bốn thứ đối trị ái, thủ của Bí số.

Lại, hữu tình đã tạo phước từ đời trước, do sức tăng thượng của thiện căn nơi đời trước, nên biết có năm tướng thắng lợi của quả. Nghĩa là do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên an trụ nơi hai thứ quả báo khả ái: 1. Trong. 2. Ngoài.

Quả báo khả ái thuộc bên trong: Là trường thọ, trụ lâu, sắc đẹp, đoan nghiêm. Không bệnh, ít phiền não. Trí huệ mạnh mẽ, lời nói có uy lực, thuộc tộc họ danh tiếng.

Quả báo khả ái thuộc bên ngoài: Là sanh nơi nhà phú quý v.v... như kinh đã nói rộng. Giàu có lớn, phò tá, che chở lớn, kẻ hầu hạ nhiều. Đó

gọi là tướng thắng lợi thứ nhất của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên có thể khéo an trụ, không hề bị các thứ phi nhân như Dược xoa, yêu quái, các thần giữ nhà đất có thể gây chướng ngại. Nghĩa là đối với tài sản, địa vị, không tạo chướng ngại, hoặc đối với thọ mạng không tạo chướng ngại. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ hai của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên tánh đối với pháp thiện, tâm có thể hướng nhập, tu tập không biếng trễ. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ ba của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên tánh đối với hành ác, tự thành khẩn cảm thấy xấu hổ sâu xa, tuy tạo ác rồi, nhưng luôn luôn phát khởi tâm hối hận mãnh liệt. Do nhân duyên ấy, nên khiến ác đã tạo nơi hiện tại giảm thiểu, đối với ác của vị lai có thể vĩnh viễn xa lìa. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ tư của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên ý hướng, kỹ năng nơi phương tiện gia hạnh của tất cả sự nghiệp đều lần lượt hưng thịnh. Mọi sự hành tác đều được kính thuận, ít dùng công sức mà thành tựu được nhiều. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ năm của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Bốn thứ luân như thế, chư Thiên nơi cõi Trời, các hữu tình trong cõi người, như bánh xe thắng diệu của Chử, Quán hiện có, theo đấy nếu thiếu thì xe không chuyển được.

Lại dựa vào nghĩa nên đạt được sanh khởi tin hiểu sâu xa, đối trước vị sư trưởng tự hiển bày đúng như thật: Thân có dũng mãnh, tâm có năng lực, có thể nhận hiểu nghĩa của pháp thuyết giảng thiện, ác hiện có, theo như thứ lớp, nên biết đã kiến lập năm thứ đoạn chi, nếu thiếu một chi thì sự đoạn trừ không thành tựu đầy đủ.

Lại, nơi đầu tiên phải nên gắng sức kính sự bậc Đại sư. Nghĩa là có thể tuyên thuyết Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng, Huệ học tăng thượng nơi giáo pháp hiện có. Tiếp theo, nên kính sự đối với pháp đã thuyết giảng. Thứ đến, lúc tu tập pháp tùy pháp hành, phải nên kính sự dựa vào Giới tăng thượng cùng học xứ tương ứng với Tỳ-nại-da. Thứ nữa, nên kính sự dựa vào Tâm tăng thượng và Huệ tăng thượng nơi sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Vào mọi thời gian tu cúng dường của cải và giáo pháp. Nên biết ở đây, cúng dường của cải, giáo pháp, nghĩa là đồng cư trú và đồng thọ dụng.

Tiếp theo, đối với Tĩnh lực, tu Tam-ma-địa. Từ đây, liên tục, theo chỗ không ái vị, thông tỏ về đế lý, vĩnh viễn dứt hết các lậu, không có phóng dật. Bảy thứ kính sự có sai biệt về thứ lớp nên biết.

Lại do ba tướng, nên biết về kính sự. Tức do có thể biết thể kia có công đức thắng lợi, nên khởi tôn trọng. Theo nơi thể, đều dùng ba thứ hành chánh của thân ngữ ý để tu cung kính. Lại bày biện vô số cờ phướn lọng v.v... để cúng dường. Có các vị đồng phạm hạnh nên các tội đã phạm của các vị đồng phạm hạnh khác. Tức nơi hiện tiền, bốn mắt cùng đối nhau, đều dùng sự thật không dùng phi thật, cho đến nói rộng. Vị kia đối với điều chưa hiểu rõ, thì lúc được hiểu rõ nên lại không phạm. Do lại không phạm, nên các Bí-sô ấy, vì kiến, văn, nghi không ứng hợp với sự việc đã phạm ở trước được nêu lên lần nữa, như thế là “tránh sự” liền được trừ diệt.

Có các Bí-sô thấy Bí-sô khác phạm tội, cả về thời gian và hoàn cảnh. Vào thời gian sau, Bí-sô phạm tội kia quên hẳn điều mình đã phạm. Người trông thấy Bí-sô đã phạm, ghi nhận tội đã phạm ấy, bèn nêu lên sự việc kia, hỏi: Ông có nhớ là mình đã phạm tội không? Bí-sô kia đáp: Tôi hoàn toàn không nhớ. Bí-sô kia đã không nhớ thì không thể tự hối. Nếu nói dối: “Tôi có nhớ”, thì lời ấy là lời hối, có thể lia ố tác. Nhưng Bí-sô kia đã bị người khác cử tội, nên tin thuận, nên theo chúng Tăng cầu xin tướng ức niệm Tỳ-nại-da cùng được thanh tịnh. Bảy giờ chúng Tăng tin các Bí-sô cùng với Bí-sô kia thanh tịnh, Bí-sô phạm tội kia được lia ố tác, các Bí-sô này không nên nêu lần nữa về sự việc đã phạm ở trước. Như vậy là “tránh sự” liền được trừ diệt.

Lại có Bí-sô do điên cuồng, nên hiện hành nhiều thứ không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận pháp. Bí-sô kia do sự việc ấy nên không thành phạm.

Lại có một loại Bí-sô không nhận biết. Nghĩa là vị ấy thành phạm không phải là xứ cử phạt. Có các Bí-sô vì phòng hộ vị lai, nên chỉ dẫn về nhớ nghĩ, khiến có thể đạt được tự tâm, trở lại theo chúng Tăng cầu xin tướng bất si Tỳ-nại-da cùng được thanh tịnh. Bí-sô kia nghe như thế rồi, tức liền cầu xin. Bảy giờ, chúng Tăng nên quyết đoán, hữu tình như thế là không thành phạm. Tăng hòa hợp trụ, nêu rõ là cùng thanh tịnh. Bí-sô không nhận biết kia, đã nghe điều ấy rồi, không còn nêu lên lần nữa sự việc đã phạm ở trước, như vậy là “tránh sự” liền được diệt trừ.

Lại có Bí-sô ở trong chúng Tăng cử tội của Bí-sô khác. Người là chủ thể cử khởi tướng có phạm, còn người là đối tượng bị cử thì khởi tướng không phạm. Do tướng không phạm, nên tự nói là mình không

phạm tội. Người là chủ thể cử tội nói:

- Trưởng lão há không từng làm các việc như vậy như vậy chẳng?

Bí-sô kia bèn thành thật đáp:

- Tôi không từng làm. Bí-sô cử tội nói:

- Vị kia trước đã phạm, nay bị cử phát cũng không nhận rõ, nên nói là không phạm.

Bấy giờ, chúng Tăng liền thực hiện việc tìm cầu tự tánh của sự việc kia là có phạm hay không phạm. Chờ đạt được sự thật rồi, nên như pháp quyết đoán. Như thế là “tránh sự” liền được trừ diệt.

Có trụ xứ khác với nhiều Bí-sô, đối với tội đã phạm cùng sanh khởi nghi vấn, tranh luận. Hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm, hoặc nói là nặng, hoặc bảo là nhẹ. Có số chúng Tăng nơi trụ xứ khác thường đi ngang qua đấy, trong đó có vị là bậc Huệ giải, thọ trì ba tạng, nên thỉnh họ quyết đoán chỗ nghi kia, khiến đạt đến cứu cánh. Như thế là “tránh sự” liền được diệt trừ.

Lại có Bí-sô đã phạm tội rồi, tự hối về chỗ kích phát của triền, bèn thành ưu sầu, lo sợ kẻ khác cử phát, liền như pháp sám hối. Do đấy nên hết thấy “tránh sự” được trừ diệt.

Có nhiều Bí-sô cùng nhau cử tội, đều là chỗ chấp giữ của kiêu mạn, không muốn lần lượt cùng đối nhau để phát lồ sám hối, chỉ chuyên sự ly tán. Hai bộ ở riêng, đều nói: “Các vị kia đã không chịu đến đối diện với chúng tôi để phát lồ sám hối diệt trừ. Chúng tôi sao lại phải tới chỗ của họ? Hai bộ này nên suy cử một vị có trí huệ đứng đầu trong chúng làm công việc hòa giải, chấp nhận cùng đi đến để phát lồ sám hối, dứt trừ tội đã phạm. Như thế là “tránh sự” liền được trừ diệt. Tránh sự như vậy lược có bốn thứ, nên biết việc diệt trừ cũng có bốn thứ. Những gì gọi là bốn thứ tránh sự? Đó là:

1. Tránh sự của kẻ khác nêu lên.
2. Tránh sự cùng nghi.
3. Tránh sự tự mình nêu lên.
4. Tránh sự cùng nêu lên. Bốn thứ trừ diệt

tránh sự là:

1. Trừ diệt do nguyện nêu ra chỗ phạm.
2. Trừ diệt do đem lại thanh tịnh.
3. Trừ diệt do hứa cầu tìm thật tánh.
4. Trừ diệt do mỗi người đều phát lồ.